

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 306/2026/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992;
CCCD số 033192014941 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021.

Cư trú tại: thôn M, xã H, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Phạm Châu S, sinh năm 1992;
CCCD số 033092014673 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021.

Cư trú tại: thôn M, xã H, tỉnh Hưng Yên.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phạm Thị Xuân M, sinh ngày 13/6/2012;

- Cháu Phạm Nam P, sinh ngày 23/12/2014;

Đều cư trú tại: thôn M, xã H, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên.

4. Những người đại diện theo pháp luật cho cháu M và cháu P: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Châu S.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Châu S.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Châu S đều nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh S đều xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Xuân M, sinh ngày 13/6/2012 và cháu Phạm Nam P, sinh ngày 23/12/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị T. Chị T và anh S thoả thuận, chị T được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M đến tuổi thành niên, anh S được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P đến tuổi thành niên. Các bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị T và anh S được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Chị T và anh S tự thoả thuận giải quyết với nhau, anh chị tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh S nhất trí để chị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.750.000 đồng tại biên lai thu số: 0002496 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. H lại chị Nguyễn Thị T số tiền 12.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT, TTr và THA - TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Hồng Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng